

Bản án số: 75/2025/HS-ST
Ngày: 08-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;
- Bà Nguyễn Kim Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1987, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Số 25, đường L, khu phố 11, phường L, thành phố T, Tp.HCM; chỗ ở: Số 39/3, đường Lê V, khu phố 11, phường L, thành phố T, Tp.H; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị T4; chồng là ông Trần Quốc T1; có 01 con sinh năm 2017; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Ngày 20/11/2024, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- **Bị hại:** Công ty TNHH W

Địa chỉ: Khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Hoàng Thị Mộng T2, sinh năm 1986; địa chỉ: 276/6 quốc lộ 13, khu phố 1, phường M, thành phố B, tỉnh B (xin xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1984 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25, đường L, khu phố 3, phường L, thành phố T, Tp. H.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T3, sinh năm 1983 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Số 39/4, L, khu phố 3, phường L, thành phố T, Tp. H.

3. Ông Nguyễn Lê Q, sinh năm 1982 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH W (sau đây gọi tắt là Công ty) do bà S, Quốc tịch: Hàn Quốc làm Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty này.

Trần Kim P, sinh năm 1985, địa chỉ: 48/4/15, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh B làm Kế toán trưởng Công ty từ tháng 4/2016 đến tháng 7/2021 thì nghỉ việc.

Tháng 3/2007, Nguyễn Thị Bé T bắt đầu làm việc tại Công ty W ở bộ phận đóng gói sản phẩm, đến năm 2010, chuyển đến bộ phận hành chính và sau đó chuyển đến bộ phận kinh doanh của Công ty.

Công ty chi trả lương cho người lao động thông qua hình thức chuyển tiền từ tài khoản Công ty sang tài khoản người lao động được đăng ký tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương; địa chỉ: Số 888, đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Trần Kim P được giao nhiệm vụ đăng ký mở tài khoản cho người lao động, lập phụ lục người lao động trình giám đốc ký, duyệt trả lương cho người lao động. Lợi dụng nhiệm vụ được giao và việc thiếu kiểm tra của Giám đốc, Trần Kim P đã mở tài khoản của 03 cá nhân gồm: Nguyễn Cao K, Nguyễn Đức T5 và Trần Túy Hoàng P2 (là các cá nhân không làm việc tại Công ty) và thêm tên của 03 người này vào Phụ lục (danh sách người lao động nhận tiền lương) trình Giám đốc duyệt, gửi đến Ngân hàng đề nghị chuyển tiền lương vào tài khoản. Sau đó, Trần Kim P sử dụng thẻ ATM của 03 cá nhân trên chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Trần Kim P hoặc rút tiền để chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền mà Trần Kim P đã chiếm đoạt của Công ty là 2.849.312.355 đồng.

Tháng 7/2021, P đã nghỉ việc tại Công ty nên Nguyễn Thị Bé T được chuyển đến bộ phận kế toán làm việc. Trong lúc dọn dẹp bàn làm việc của P thì T phát hiện có 01 thẻ ATM (tên Trần Túy Hoàng Phượng) của Ngân hàng Shinhan số tài khoản 700011398364, trên thẻ có ghi mật khẩu đăng nhập nên Bé T cất giữ thẻ này.

Đến tháng 11/2021, T được Giám đốc Công ty giao nhiệm vụ hỗ trợ ông Nguyễn Lê Q làm thủ tục thanh toán tiền lương cho người lao động. Nhận thấy, Công ty không có kế toán trưởng, ông Q và Giám đốc Công ty W không kiểm tra lại phụ lục danh sách người lao động nhận tiền lương nên T đã kê khống tên và số tài khoản của Trần Túy Hoàng Phượng vào danh sách nhận tiền lương trình Giám đốc duyệt, gửi đến Ngân hàng đề nghị chuyển tiền lương vào tài khoản để chiếm đoạt. Hàng tháng, Công ty chuyển lương vào tài khoản tên bà Trần Túy Hoàng P2. T đã sử dụng thẻ ATM để rút tiền mặt hoặc chuyển từ tài khoản tên Trần Túy Hoàng P2 qua số tài khoản 700007378713 của T để tiêu xài cá nhân. Từ tháng 11/2021 đến tháng 6/2022,

Công ty W đã chuyển tổng cộng 70.764.000 đồng trả tiền lương vào tài khoản tên bà Trần Túy Hoàng P2.

Để chiếm đoạt thêm tiền, T đăng ký mở thêm tài khoản tại Ngân hàng Shinhan cho 02 người không làm việc tại Công ty là ông Trần Quốc T1(chồng của T) với số tài khoản số 700020766231 và bà Nguyễn Thị Hồng T3 (chị dâu của T) với số tài khoản 700020766223. Sau đó, T đưa tên và 02 số tài khoản của ông Thịnh và bà T3, số tiền lương vào phụ lục trình ông Nguyễn Lê Q và Giám đốc công ty ký, gửi đến Ngân hàng yêu cầu chuyển trả tiền lương. Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022, Công ty đã chuyển vào số tài khoản của ông Trần Quốc T1 tổng cộng 42.322.000 đồng và chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Hồng T3 tổng cộng là 64.907.000 đồng.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị Bé T đã chiếm đoạt của Công ty là 177.993.000 đồng. Đến ngày 29/9/2023, sau khi Công ty đã phát hiện vụ việc, T đã chuyển trả đủ số tiền 177.993.000 đồng vào tài khoản của Công ty.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 5612 ngày 12/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định: Chữ ký, chữ viết trên tờ khai đăng ký mở tài khoản của Trần Quốc T1 và Nguyễn Thị Hồng T3 so với chữ viết họ tên của Nguyễn Thị Bé T trên các tài liệu mẫu do Nguyễn Thị Bé T viết ra.

Vật chứng thu giữ: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị Bé T đã trả lại cho Công ty tổng số tiền 177.993.000 đồng đã chiếm đoạt. Do vậy, tại Đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin vắng mặt đề ngày 25/3/2025 của bà Phạm Hoàng Thị Mộng T2 (người đại diện theo ủy quyền của Công ty) đã xác định là không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Phía Công ty cũng đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại Cáo trạng số 97/CT-VKSBD ngày 13/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bé T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); đồng thời, phân công VKSND thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố tại Cáo trạng, và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé T mức án từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong. Người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu thêm về trách nhiệm dân sự, nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng và biện pháp T pháp: Không đặt ra xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến về tội danh, mức hình phạt Kiểm sát viên đã đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng

án treo để bị cáo có cơ hội sửa sai, tiếp tục lao động, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và không có ý kiến gì liên quan đến Kết luận giám định. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 11/2021 đến tháng 6/2022, bị cáo Nguyễn Thị Bé T được giao nhiệm vụ làm phụ lục chi trả lương cho người lao động của Công ty W. T đã lợi dụng việc Công ty W không có kế toán trưởng và lợi dụng việc Giám đốc Công ty W không kiểm tra lại phụ lục danh sách người lao động nhận tiền lương, nên Nguyễn Thị Bé T đã kê khống tên và số tài khoản của 03 cá nhân gồm: Trần Tuý Hoàng Phụng, Trần Quốc T1 và Nguyễn Thị Hồng T3 (là những cá nhân không làm việc thực tế tại Công ty) vào phụ lục chi trả lương, trình Giám đốc Công ty ký duyệt, gửi đến Ngân hàng đề nghị chuyển tiền lương vào tài khoản nhằm chiếm đoạt tổng số tiền 177.993.000 đồng của Công ty W.

Xét bị cáo Nguyễn Thị Bé T đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại Công ty W là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ. Do vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Bé T đã cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 97/CT-VKSBD ngày 13/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bé T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho phía bị hại. Đây

là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra, đại diện hợp pháp của bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, xin cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo có ông nội (tên Nguyễn Văn Dạch) là Liệt sĩ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5]. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và phạm tội lần đầu. Xét thấy, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo để tự cải tạo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo;

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Bé T mới đủ sức răn đe, giáo dục..

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại xác định đã nhận đủ số tiền bồi thường 177.993.000 đồng, và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng và biện pháp T pháp: Không đặt ra xem xét.

[9]. Đối với hành vi của Trần Kim P:

Ngày 15/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can để xử lý đối với Trần Kim P trong vụ án hình sự khác là phù hợp.

[10]. Đối với hành vi của ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Hồng T3:

Xét bị cáo Nguyễn Thị Bé T nhờ ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Hồng T3 ký tên trên tờ khai đăng ký mở tài khoản ngân hàng để sử dụng việc riêng. Ông Thịnh và bà T3 đều không biết Bé T sử dụng tài khoản ngân hàng để chiếm đoạt tiền của Công ty và cũng không hưởng lợi gì từ hành vi này, không có vai trò đồng phạm, nên không bị xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[11.] Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp, nên được HĐXX chấp nhận.

Tuy nhiên, xét hình phạt tù mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng là có phần nghiêm khắc, nên HĐXX quyết định cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[12]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bé T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/4/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bé T cho Ủy ban nhân dân phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Tp.HCM giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Bé T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé T số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

4. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

5. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Bé T phải nộp số tiền 200.000 đồng.

7. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 19/2025/LCĐKNCT ngày 19/3/2025 của TAND thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Nguyễn Thị Bé T.

8. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/4/2025).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở T pháp tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát ;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường L,
thành phố T, Tp.HCM.
- Lưu: VP, HSVA.

Vũ Phước Thành